

Số: /TTr-VKSTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Về dự án Bộ luật Tổ tụng hình sự (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao trình Quốc hội dự án Bộ luật Tổ tụng hình sự (sửa đổi) (sau đây viết tắt là dự án Bộ luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng lớn về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh cải cách tư pháp; hoàn thiện thể chế phát triển đất nước; tăng cường hội nhập quốc tế; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đặc biệt, nhiều văn kiện quan trọng của Trung ương như: Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Nghị quyết số 27-NQ/TW¹, Nghị quyết số 57-NQ/TW², Nghị quyết số 59-NQ/TW³, Nghị quyết số 66-NQ/TW⁴, Nghị quyết số 68-NQ/TW⁵, Nghị quyết số 79-NQ/TW⁶, Nghị quyết số 04-NQ/TW⁷, Kết luận số 09-KL/TW⁸, Kết luận số 19-KL/TW⁹, Kết luận số 17-KL/TW¹⁰, Chỉ

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

² Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

³ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

⁴ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁵ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

⁶ Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước.

⁷ Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.

⁸ Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

⁹ Kết luận số 19-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về Đề án “Cơ chế thu hồi và xử lý tài sản không qua kết tội, bảo đảm phù hợp với thực tiễn của Việt Nam”.

¹⁰ Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI.

thị số 06-CT/TW¹¹; và các chỉ thị, kết luận, ý kiến chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, yêu cầu mới liên quan đến tổ tụng hình sự cần được thể chế hóa vào Bộ luật Tổ tụng hình sự (BLTTHS) nhằm bảo đảm các thủ tục tố tụng hình sự công bằng, công khai, minh bạch, hiện đại, nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; tăng cường bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước; phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực chặt chẽ, chống lạm quyền, vi phạm pháp luật của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng góp phần thực hiện 02 mục tiêu 100 năm¹² phát triển đất nước.

Trong bối cảnh đó, pháp luật tố tụng hình sự giữ vai trò là thiết chế trung tâm bảo đảm thực thi quyền lực tư pháp, đồng thời là công cụ pháp lý quan trọng để Nhà nước xử lý hành vi vi phạm pháp luật hình sự, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

Các yêu cầu mới đặt ra đối với hoạt động tố tụng hình sự không chỉ dừng lại ở việc xử lý tội phạm nghiêm minh mà còn đòi hỏi: (1) Bảo đảm tính dân chủ, công bằng và nhân văn trong quá trình tố tụng; (2) Tăng cường tranh tụng và tính công khai, minh bạch; (3) Nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực tư pháp; (4) Bảo đảm quyền bào chữa, quyền tiếp cận công lý; (5) Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động tố tụng; (6) Nâng cao hơn nữa hiệu quả phòng ngừa, thu hồi tài sản và xử lý tội phạm xuyên quốc gia.

Ngày 06/7/2026, tại thông báo số 01-TB/BCĐTW về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo đã nêu rõ: *“Ban Chỉ đạo cơ bản thống nhất với sự cần thiết nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật quan trọng khác liên quan. Việc sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự cần được thực hiện đồng bộ với quá trình nghiên cứu, sửa đổi Bộ luật Hình sự và các luật liên quan, đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách tư pháp, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và khơi thông nguồn lực phát triển. Không tiếp cận sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ như sửa đổi một số thủ tục mang tính kỹ thuật, mà phải hoàn thiện dựa trên các nguyên tắc nền tảng của pháp luật hiện đại: Công bằng, công khai, minh bạch, hiệu quả, nhân văn. Ban Chỉ đạo giao Đảng uỷ Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Đảng uỷ Công an Trung ương và các cơ quan có liên quan khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ dự án Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), Bộ luật Hình sự (sửa đổi); trình Quốc hội cho ý kiến bước đầu về các chính sách lớn tại Kỳ họp chuyên đề trong tháng 8/2026. Trong quá trình xây dựng, đối với những*

¹¹ Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 06/6/2026 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm sát nhân dân trong giai đoạn mới.

¹² Tại mục 2.III của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã đặt 02 mục tiêu 100 năm, cụ thể: *“...thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”*.

vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị thì báo cáo Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến; đối với những nội dung đã thống nhất, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội bảo đảm đúng tiến độ”.

Do đó, việc nghiên cứu sửa đổi toàn diện BLTTHS là yêu cầu khách quan nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng và yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Cơ sở pháp lý

Trong thời gian qua, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền đã tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật, triển khai xây dựng, sửa đổi nhiều đạo luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động tố tụng hình sự, như: Bộ luật Hình sự, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, các đạo luật về phòng, chống tham nhũng, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, chuyển đổi số,...

Đồng thời, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh ký kết và tham gia nhiều điều ước, thỏa thuận quốc tế đa phương, song phương trong lĩnh vực tư pháp và phòng, chống tội phạm¹³; sự phát triển của tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao đòi hỏi cần có nhiều cơ chế phối hợp giữa Việt Nam và các nước để tăng cường trao đổi, cung cấp thông tin, thu thập, bảo quản, sử dụng chứng cứ trên môi trường mạng, hợp tác điều tra, tương trợ tư pháp,... để xử lý tội phạm, tài sản do phạm tội mà có xuyên biên giới.

Do đó, cần rà soát, nghiên cứu sửa đổi toàn diện BLTTHS để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật quốc gia và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3. Cơ sở thực tiễn

BLTTHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024 và 2025) đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, sau hơn 08 năm triển khai thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực, thực tiễn cho thấy còn có nhiều vướng mắc, bất cập, một số quy định không còn phù hợp hoặc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới của cải cách tư pháp..., trong đó nổi lên các vấn đề như:

(1) Quy định về các nguyên tắc của BLTTHS chưa bảo đảm đáp ứng yêu cầu mới;

(2) Quy định về thẩm quyền của cơ quan, người tiến hành tố tụng chưa đồng bộ, phù hợp, cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các chủ thể tố tụng chưa thực sự hiệu quả;

(3) Một số biện pháp ngăn chặn còn có phạm vi áp dụng rộng, thiếu biện pháp thay thế phù hợp; Thủ tục tố tụng chưa đáp ứng yêu cầu xử lý nhanh và

¹³ Công ước Hà Nội về chống tội phạm mạng; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN và các Hiệp định song phương tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với các nước; các Hiệp định song phương về dẫn độ giữa Việt Nam và các nước; Hiệp định song phương về hợp tác phòng, chống tội phạm giữa Việt Nam và các nước;...

hiệu quả; Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số và tố tụng trực tuyến... Quy định về xử lý vật chứng, dữ liệu điện tử chưa đầy đủ và phù hợp;

(4) Thủ tục rút gọn chưa phát huy hiệu quả, thiếu cơ chế xử lý linh hoạt đối với các vụ án đơn giản;

(5) Qua tổng kết thực tiễn giải quyết một số vụ việc, vụ án hình sự cho thấy có trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nhưng xét về động cơ, mục đích, hoàn cảnh phạm tội và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì việc truy cứu trách nhiệm hình sự không còn cần thiết. Tuy nhiên, do các trường hợp này không thuộc diện được miễn trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành của Bộ luật Hình sự nên các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải thực hiện đầy đủ các giai đoạn tố tụng sau đó phải miễn chấp hành hình phạt hoặc phải “vận dụng” các quy định pháp luật hiện hành để xử lý. Điều này dẫn đến việc chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước không được áp dụng kịp thời; kéo dài thời gian giải quyết vụ án, làm phát sinh chi phí tố tụng không cần thiết và ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vụ việc.

(6) Nhiều vụ án, đặc biệt là vụ án về các tội phạm xâm phạm hoạt động kinh tế, người phạm tội có thái độ hợp tác tích cực, tự nguyện khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại hoặc có khả năng khắc phục toàn bộ hậu quả nếu được tạo điều kiện về thời gian. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự hiện hành chưa có cơ chế để ghi nhận, khuyến khích và kiểm soát các trường hợp này. Các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ có thể tiếp tục giải quyết theo thủ tục thông thường hoặc áp dụng các chế định hiện có như tạm đình chỉ, gia hạn thời hạn tố tụng, trong khi các chế định này không được thiết kế nhằm mục đích tạo điều kiện cho người phạm tội thực hiện cam kết khắc phục hậu quả. Điều này làm giảm hiệu quả của chính sách hình sự, chưa tạo động lực đầy đủ để người phạm tội chủ động hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản và khắc phục thiệt hại do tội phạm gây ra.

(7) Thực tiễn giải quyết án cũng cho thấy có số lượng lớn vụ án mà chứng cứ đã rõ ràng, bị can, bị cáo tự nguyện nhận tội, đồng thời chấp nhận hình phạt và các nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, các vụ án này vẫn phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử như các vụ án phức tạp, dẫn đến kéo dài thời gian giải quyết, làm tăng chi phí tố tụng và tạo áp lực lớn đối với các cơ quan tiến hành tố tụng trong bối cảnh số lượng vụ án ngày càng gia tăng. Trong khi đó, nhiều quốc gia (như: Trung Quốc, Nhật Bản,...) đã thiết lập cơ chế tố tụng đối với trường hợp người phạm tội tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt trên cơ sở bảo đảm tính tự nguyện, có sự tham gia của người bào chữa và sự kiểm soát của Tòa án, qua đó vừa bảo đảm quyền con người, vừa nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm và tiết kiệm nguồn lực tư pháp.

Những hạn chế nêu trên đòi hỏi phải nghiên cứu sửa đổi toàn diện BLTTHS nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động tố tụng và bảo đảm tốt hơn quyền con người.

Từ những căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi toàn diện BLTTHS là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương của Đảng, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với điều ước, thỏa thuận quốc tế, đồng thời, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập, nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ tụng, thúc đẩy chuyển đổi số trong tổ tụng hình sự; tăng cường kiểm soát quyền lực tư pháp, bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhân văn, nâng cao hiệu quả xử lý tội phạm và thu hồi tài sản; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG BỘ LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng BLTTHS (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đẩy mạnh cải cách tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị tư pháp; bảo đảm yêu cầu phòng, chống tội phạm trong giai đoạn mới; thúc đẩy chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong tổ tụng hình sự; hướng tới xây dựng nền tổ tụng hình sự hiện đại, dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng ngừa oan, sai, chống lạm quyền và bảo đảm xử lý tội phạm vừa nghiêm minh, vừa nhân văn, thuyết phục, cụ thể:

- Đổi mới thủ tục tổ tụng theo hướng tiến bộ hơn, bảo đảm tăng cường tranh tụng, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

- Rà soát, kế thừa các quy định còn phù hợp, đang phát huy hiệu quả; sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp.

- Bổ sung các chế định, thủ tục tổ tụng mới nhằm giải quyết vụ việc, vụ án nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm nguồn lực, chi phí tổ tụng nhưng vẫn bảo đảm nghiêm minh, khách quan và nhân văn, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong tổ tụng hình sự.

- Xây dựng thủ tục tổ tụng hiện đại, ứng dụng công nghệ số và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng

- *Thứ nhất*, bám sát quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, về cải cách tư pháp và phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế, đấu tranh phòng, chống tội phạm theo hướng cải cách mạnh mẽ thủ tục tổ tụng hình sự, bảo đảm tính nghiêm minh, đề cao tính nhân văn, hướng thiện; phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả, tăng cường phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng các cấp; hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định; bảo

đảm BLTTHS là luật nền tảng, trung tâm, vừa quy định căn cứ, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tổ tụng cụ thể, chặt chẽ, minh bạch, vừa quy định các nguyên tắc cơ bản có giá trị chi phối, định hướng các văn bản còn lại có liên quan¹⁴.

- *Thứ hai*, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với điều ước quốc tế. Các nội dung sửa đổi phải phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế trên cơ sở phù hợp điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và mô hình tổ chức bộ máy của Việt Nam.

- *Thứ ba*, đổi mới tư duy tổ tụng theo hướng hiện đại, hiệu quả. Chuyển từ phương thức quản lý tổ tụng sang quản trị tổ tụng hiện đại, lấy hiệu quả giải quyết vụ án và bảo đảm quyền con người làm trung tâm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và từng bước số hóa toàn trình hoạt động tổ tụng.

- *Thứ tư*, bám sát kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2015, kế thừa những nội dung còn phù hợp, đang phát huy hiệu quả; sửa đổi, bổ sung, khắc phục những vướng mắc, bất cập, tạo điều kiện tốt hơn cho các chủ thể tổ tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm, bảo đảm tính khách quan, liên tục, kịp thời, hiệu quả trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

- *Thứ năm*, tuân thủ đúng nguyên tắc và trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Đảng và Nhà nước; bảo đảm kỹ thuật lập pháp khoa học, hiện đại, hợp lý, dễ hiểu, tạo thuận lợi cho cơ quan, người tiến hành tổ tụng, người tham gia tổ tụng áp dụng, thực hiện.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA BỘ LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh của Bộ luật

BLTTHS quy định các nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự; nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tổ tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân; khiếu nại, tố cáo và hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự.

2. Đối tượng áp dụng của Bộ luật

- Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tổ tụng;
- Người tham gia tổ tụng;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN BỘ LUẬT

¹⁴ Kết luận số 09-KL/TW.

1. Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến pháp luật tổ tụng hình sự, nhất là các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách tư pháp; đấu tranh phòng, chống tội phạm; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, hội nhập quốc tế sâu rộng...

2. Phối hợp với các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết việc thi hành BLTTHS năm 2015; tiến hành rà soát và báo cáo về kết quả rà soát các quy định của BLTTHS năm 2015 (Báo cáo số 179/BC-VKSTC ngày 27/12/2024); thực hiện rà soát các cam kết quốc tế¹⁵; rà soát chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện BLTTHS năm 2015.

3. Xây dựng hồ sơ chính sách, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, tổ chức Hội nghị tham vấn chính sách BLTTHS (sửa đổi), xin ý kiến Chính phủ, các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; thông qua chính sách.

4. Xây dựng hồ sơ dự án Bộ luật, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Cổng pháp luật quốc gia, xin ý kiến Chính phủ, các Bộ, ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

5. Báo cáo Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội thẩm tra hồ sơ dự án Bộ luật.

6. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến đối với hồ sơ dự án Bộ luật tại phiên họp tháng 7 năm 2026.

7. Trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp chuyên đề tháng 8 năm 2026 và trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2, tháng 10 năm 2026.

V. PHẠM VI SỬA ĐỔI, BỔ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO BỘ LUẬT

1. Phạm vi sửa đổi

Để thực hiện mục đích và quán triệt các quan điểm chỉ đạo nêu trên, phạm vi sửa đổi BLTTHS lần này được xác định là **sửa đổi toàn diện**. Trên cơ sở đó, dự thảo Bộ luật có tổng số **499** điều. So với BLTTHS hiện hành gồm 492 điều, dự thảo Bộ luật tăng **07** điều. Trong đó, bổ sung 12 điều mới, sửa đổi, bổ sung 79 điều, giữ nguyên nội dung 408 điều và bãi bỏ 05 điều.

2. Bổ cục

¹⁵ 34 điều ước quốc tế liên quan đến chính sách của BLTTHS (sửa đổi) được rà soát có các cam kết quốc tế của Việt Nam về tổ tụng hình sự) như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Công ước Chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT); Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC); Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc (UNCAC); Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội);...

Dự thảo Bộ luật được bố cục thành 09 phần, 36 chương, cụ thể:

- Phần thứ nhất: Những quy định chung (gồm 09 chương, từ Điều 1 đến Điều 148) quy định về phạm vi điều chỉnh, nhiệm vụ, hiệu lực của BLTTHS; nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; địa vị pháp lý của những người tham gia tố tụng; chứng cứ và chứng minh; căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; lệnh, quyết định, yêu cầu, biên bản, thời hạn, chi phí tố tụng và việc cấp, giao, gửi, thông báo các loại văn bản tố tụng; thủ tục trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Phần thứ hai: Khởi tố, điều tra vụ án hình sự (gồm 09 chương, từ Điều 149 đến Điều 248) quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và quyết định việc khởi tố; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam trong giai đoạn điều tra và các biện pháp điều tra; biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra.

- Phần thứ ba: Truy tố (gồm 02 chương, từ Điều 249 đến Điều 255) quy định về căn cứ, trình tự, thủ tục, thời hạn Viện kiểm sát thực hiện các thẩm quyền: quyết định việc truy tố bị can, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; quy định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn truy tố.

- Phần thứ tư: Xét xử vụ án hình sự (gồm 03 chương, từ Điều 256 đến Điều 367) quy định những vấn đề chung về xét xử (thành phần hội đồng xét xử; nội quy phiên tòa; phòng xử án; nội dung biên bản phiên tòa, biên bản nghị án, bản án; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn xét xử); quy định về thủ tục xét xử sơ thẩm (xác định Tòa án có thẩm quyền xét xử; thời hạn tố tụng và các hoạt động trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; thành phần tham gia và trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa sơ thẩm); quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm (xác định tính chất của thủ tục xét xử phúc thẩm; việc thực hiện quyền kháng cáo, kháng nghị; thành phần tham gia và trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm).

- Phần thứ năm: Thi hành bản án và quyết định của Tòa án (gồm 02 chương, từ Điều 368 đến Điều 374) quy định những vấn đề chung về thi hành án (xác định bản án, quyết định được đưa ra thi hành; thẩm quyền và thủ tục ra quyết định thi hành án; cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ thi hành bản án và quyết định của Tòa án); quy định về thẩm quyền và thủ tục thi hành án trong một số trường hợp cụ thể.

- Phần thứ sáu: Thủ tục xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật (gồm 03 chương, từ Điều 375 đến Điều 417) quy định về tính chất của thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ, thẩm quyền, thời hạn kháng nghị giám đốc

thẩm, tái thẩm; thời hạn mở phiên tòa và trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa; thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Phần thứ bảy: Thủ tục đặc biệt (gồm 06 chương, từ Điều 418 đến Điều 478) quy định 6 thủ tục đặc biệt, bao gồm: thủ tục áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thủ tục rút gọn; xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng hình sự thủ tục khiếu nại, tố cáo; thủ tục bảo vệ những người tham gia tố tụng; thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

- Phần thứ tám: Hợp tác quốc tế (gồm 02 chương, từ Điều 479 đến Điều 497) quy định những vấn đề chung liên quan đến hợp tác quốc tế (phạm vi, nguyên tắc hợp tác quốc tế; vấn đề áp dụng pháp luật; cơ quan đầu mối trung ương trong hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự); quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế cụ thể.

- Phần thứ chín: Điều khoản thi hành (từ Điều 498 đến Điều 499) quy định về hiệu lực thi hành của BLTTHS và trách nhiệm của các cơ quan trong việc hướng dẫn thi hành Bộ luật.

3. Nội dung cơ bản

Dự thảo Bộ luật có nhiều nội dung mới và tiến bộ, dựa trên các nguyên tắc nền tảng của pháp luật hiện đại: công bằng, công khai, minh bạch, hiệu quả, nhân văn¹⁶, trong đó, có những nội dung mới cơ bản sau đây:

3.1. Đổi mới thủ tục tố tụng theo hướng tinh gọn, hiệu quả

Nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp; bảo đảm giải quyết vụ việc, vụ án nhanh chóng, kịp thời nhưng vẫn bảo đảm tính khách quan, toàn diện, đúng pháp luật và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả áp dụng thủ tục rút gọn; giảm thời gian, chi phí và nguồn lực cho hoạt động tố tụng; giảm khối lượng công việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng; nâng cao hiệu quả giải quyết, giảm tình trạng tồn đọng vụ việc, vụ án; tăng tính linh hoạt của thủ tục tố tụng đối với từng loại vụ việc, vụ án, từng nhóm đối tượng và tính chất của hành vi, dự thảo Bộ luật quy định:

3.1.1. Chuẩn hóa quy trình tố tụng, tinh gọn trình tự và đơn giản hóa thủ tục hành chính tư pháp

- Cải tiến, đơn giản hóa thủ tục cấp đăng ký người bào chữa theo hướng sửa cụm từ “*xuất trình*”, thay “*bản sao có chứng thực*” thành “*bản sao*”.

- Lược bỏ một số thủ tục hành chính tư pháp để quy định trong văn bản hướng dẫn thi hành như thủ tục cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết hoặc thông báo văn bản tố tụng (các điều 138, 139, 140, 141, 142 của Bộ luật hiện hành).

3.1.2. Hoàn thiện thủ tục rút gọn

¹⁶ Thông báo số 01-TB/BCĐTW ngày 06/7/2026 về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật tại Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo.

a) Trên cơ sở bổ sung chế định về nhận tội, chấp nhận hình phạt để được hưởng khoan hồng, dự thảo Bộ luật *mở rộng trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn* theo hướng bổ sung việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với bị can, bị cáo tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt.

b) *Bổ sung nguyên tắc áp dụng thủ tục rút gọn theo hướng*: Việc áp dụng thủ tục rút gọn phải bảo đảm xác định đúng sự thật khách quan, toàn diện, đầy đủ của vụ án; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người tham gia tố tụng. Việc nhận tội của người bị buộc tội không thay thế trách nhiệm chứng minh tội phạm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và không được coi là chứng cứ duy nhất để kết tội. Trong vụ án có nhiều bị can, bị cáo thì thủ tục rút gọn được áp dụng đối với vụ án khi các bị can, bị cáo đều tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt. Trường hợp có bị can, bị cáo tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt nhưng có bị can, bị cáo không nhận tội thì có thể tách vụ án đối với bị can, bị cáo đã nhận tội để giải quyết theo thủ tục rút gọn nếu việc tách vụ án không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan, toàn diện của vụ án. Trường hợp không thể tách vụ án thì vụ án được giải quyết theo thủ tục chung; bị can, bị cáo đã tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt được xem xét hưởng khoan hồng theo quy định của Bộ luật Hình sự.

c) Sửa đổi, bổ sung để làm rõ thủ tục rút gọn thông thường thì **phải** được thực hiện khi có đủ các điều kiện; thủ tục rút gọn khi người phạm tội nhận tội, chấp nhận hình phạt thì **có thể** được thực hiện khi có đủ các điều kiện.

d) *Sửa đổi, bổ sung điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn*:

(1) Đối với trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn thông thường: (i) Bổ sung các trường hợp được áp dụng thủ tục rút gọn, gồm: người phạm tội ra đầu thú; tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; (ii) Bổ điều kiện “*người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 456 Bộ luật hiện hành; (iii) Sửa đổi điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử phúc thẩm theo hướng chỉ quy định điều kiện: *vụ án chỉ có kháng cáo, kháng nghị giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng án treo hoặc giảm mức bồi thường thiệt hại*.

(2) Đối với trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn khi người phạm tội nhận tội, chấp nhận hình phạt: Thủ tục rút gọn có thể được áp dụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm khi có đủ các điều kiện sau: (i) Bị can, bị cáo tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt, biện pháp tư pháp; tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại để được hưởng khoan hồng theo quy định của Bộ luật này và Bộ luật Hình sự; (ii) Có biên bản ghi nhận việc tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt, biện pháp tư pháp; việc lập biên bản có sự tham gia của người bào chữa theo quy định của Bộ luật này; (iii) Có đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm; việc nhận tội phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án; (iv) Không thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trừ các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm tham nhũng chức vụ; (v) Không thuộc

trường hợp vụ án khi xử lý có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, chính trị, đối ngoại;

(3) *Mở rộng chủ thể có thẩm quyền áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp thông thường*, gồm: Cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Đồng thời bổ sung quy định về thẩm quyền áp dụng, đề nghị cam kết, quyết định việc cam kết, lập biên bản cam kết nhận tội, chấp nhận hình phạt để được hưởng khoan hồng khi rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt.

e) Bổ sung trình tự, thủ tục khi áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt. Theo đó:

(1) Khi có đủ điều kiện áp dụng thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án giải thích cho bị can, bị cáo và người bào chữa của họ về quyền được áp dụng thủ tục rút gọn, nếu bị can, bị cáo đồng ý thì Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Viện kiểm sát xem xét ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn điều tra; Viện kiểm sát ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn truy tố; Tòa án ra quyết định áp dụng thủ tục rút gọn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm.

(2) Cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành lập biên bản ghi nhận việc cam kết tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt như sau: (i) Ở giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên chủ trì, phối hợp với Điều tra viên lập biên bản với bị can, người bào chữa, có sự tham gia của người tham gia tố tụng khác khi thấy cần thiết; (ii) Ở giai đoạn truy tố, Kiểm sát viên lập biên bản với bị can, người bào chữa, có sự tham gia của người tham gia tố tụng khác khi thấy cần thiết; (iii) Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chủ trì, phối hợp với Kiểm sát viên lập biên bản với bị can, bị cáo, người bào chữa, có sự tham gia của người tham gia tố tụng khác khi thấy cần thiết.

Biên bản cam kết tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt, trong đó nêu rõ: (i) Nội dung bị can, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, tội danh, các tình tiết của vụ án phù hợp với chứng cứ đã thu thập; (ii) Việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ khác; (iii) Mức hình phạt, biện pháp tư pháp Viện kiểm sát dự kiến đề nghị Tòa án xem xét áp dụng; (iv) Ý kiến của bị can, bị cáo và người bào chữa; (v) Việc lập biên bản phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Đồng thời, quy định giao Viện trưởng VKSND tối cao chủ trì, phối hợp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết Điều này.

(3) Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn bị hủy bỏ khi một trong các điều kiện áp dụng không còn. Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn được giao cho bị can, bị cáo hoặc người đại diện của họ, gửi cho người bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác có liên quan. Quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của Cơ

quan điều tra, Tòa án phải được gửi cho Viện kiểm sát có thẩm quyền. Việc giao, gửi quyết định được thực hiện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định.

(4) Thời hạn tạm giam đối với bị can, bị cáo không quá thời hạn để điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục rút gọn. Thời hạn điều tra đối với bị can, bị cáo không quá một phần hai thời hạn điều tra theo thủ tục thông thường; thời hạn truy tố trong trường hợp đã áp dụng thủ tục rút gọn ở giai đoạn điều tra là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đề nghị truy tố; thời hạn truy tố trong trường hợp đến giai đoạn truy tố Viện kiểm sát mới xem xét quyết định áp dụng thủ tục rút gọn không quá một phần hai thời hạn truy tố theo thủ tục thông thường; thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong trường hợp đã áp dụng thủ tục rút gọn ở giai đoạn truy tố là 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định truy tố; thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong trường hợp đến giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án mới xem xét quyết định áp dụng thủ tục rút gọn không quá một phần hai thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục thông thường.

(5) Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán phải xem xét, đánh giá các nội dung sau: (i) Tính tự nguyện của việc nhận tội, chấp nhận hình phạt; sự phù hợp giữa việc nhận tội và chứng cứ của vụ án; (ii) Tính hợp pháp, khách quan của biên bản ghi nhận việc tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt; (iii) Mức hình phạt, biện pháp tư pháp Viện kiểm sát đề nghị; (iv) Những vấn đề khác liên quan đến vụ án khi thấy cần thiết. Trước khi Thẩm phán quyết định áp dụng hình phạt, Kiểm sát viên, người bào chữa được phát biểu ý kiến, bị cáo được nói lời sau cùng. Thẩm phán quyết định mức hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát; trường hợp quyết định mức hình phạt nghiêm khắc hơn mức hình phạt đề nghị của Viện kiểm sát thì phải nêu rõ lý do trong bản án. Giao Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Viện trưởng VKSND tối cao quy định chi tiết Điều này.

g) Để bảo đảm việc giải quyết vụ án được thực hiện nhanh chóng, bảo đảm tính khả thi trong quá trình áp dụng, bổ sung quy định rõ: (1) việc điều tra theo thủ tục rút gọn chỉ tiến hành các hoạt động điều tra cần thiết để làm rõ những vấn đề cần chứng minh của vụ án; (2) việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được tiến hành khi thấy cần thiết nhưng chỉ tập trung vào những tình tiết của vụ án còn có ý kiến khác nhau hoặc cần được làm rõ; (3) tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán chỉ xem xét trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và ra bản án, quyết định trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tại phiên tòa. Tòa án triệu tập người tham gia tố tụng liên quan đến kháng cáo, kháng nghị tham gia phiên tòa khi thấy cần thiết, việc xét hỏi, tranh luận trong trường hợp này được thực hiện tương tự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm rút gọn.

h) Quy định rõ nội dung của: (1) quyết định đề nghị truy tố, trong đó, bổ sung nội dung của quyết định đề nghị truy tố khi rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt là phải nêu rõ nội dung bị can tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt và kết quả thực hiện cam kết để được hưởng khoan hồng; (2) quyết định truy tố, trong đó, bổ sung nội dung của quyết định truy tố khi rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt là phải nêu rõ nội dung bị can tự

nguyên nhận tội, chấp nhận hình phạt, kết quả thực hiện cam kết để được hưởng khoan hồng và hình phạt đề nghị Tòa án áp dụng; (3) bản án; trong đó bổ sung nội dung của bản án khi rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt là phải nêu rõ ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người khác tham gia phiên tòa (nếu có) về việc tự nguyện nhận tội, nhận hình phạt; nhận định của Thẩm phán về việc tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt của bị cáo, tính chân thực, khách quan của biên bản cam kết và hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị; quyết định của Thẩm phán về tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự, mức hình phạt được áp dụng với bị cáo, án phí và các vấn đề khác.

3.2. Đổi mới thủ tục tố tụng bảo đảm phân hóa và khoan hồng trong xử lý tội phạm

Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khơi thông nguồn lực, mở đường cho phát triển kinh tế; tạo động lực, cơ hội để người phạm tội đầu thú, tự thú, thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan tố tụng; chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả; bảo đảm nghiêm minh, nhân văn, thuyết phục; góp phần rút ngắn quy trình tố tụng, đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ việc, vụ án, bảo đảm xử lý tội phạm nhanh chóng, hiệu quả; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản; giảm xử lý hình sự, giảm số vụ án phải giải quyết theo thủ tục thông thường, góp phần giảm tải áp lực cho các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; giảm chi phí, nguồn lực tố tụng; tăng tính công khai, minh bạch trong giải quyết vụ việc, vụ án, xử lý tội phạm, dự thảo Bộ luật quy định:

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Dự thảo Bộ luật bổ sung nội dung để làm rõ hơn về nguyên tắc suy đoán vô tội theo hướng *“Khi có nghi ngờ về các tình tiết làm căn cứ buộc tội, kết tội hoặc áp dụng hậu quả pháp lý bất lợi đối với người bị buộc tội mà không thể làm sáng tỏ theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì phải xử lý theo hướng có lợi cho họ”*.

- Dự thảo Bộ luật bổ sung nguyên tắc ***“Bảo đảm phân hóa xử lý khoan hồng trong tố tụng hình sự”*** theo hướng *cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện việc phân hóa xử lý trách nhiệm hình sự thông qua việc áp dụng các cơ chế xử lý và thủ tục không khởi tố, miễn trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử rút gọn và các cơ chế, thủ tục khác theo quy định của Bộ luật này và Bộ luật Hình sự; bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*; đồng thời, thiết kế các thủ tục tương ứng để phân hóa, xử lý trong từng trường hợp như miễn trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, thủ tục rút gọn trong trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt...

3.2.2. Bổ sung trình tự, thủ tục để mở rộng phạm vi không khởi tố, phạm vi miễn trách nhiệm hình sự

a) *Bổ sung quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục* cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét không khởi tố hoặc miễn trách nhiệm hình sự ở các giai đoạn như sau:

- Đề xuất bổ sung 01 khoản (khoản 4) tại Điều 29 Bộ luật Hình sự 01 trường hợp miễn truy cứu trách nhiệm hình sự¹⁷ để phù hợp với các chủ trương, chỉ đạo của đảng, pháp luật của nhà nước¹⁸ và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- *Giai đoạn khởi tố*: Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền xem xét quyết định. Khi thấy người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố thuộc trường hợp và có đủ căn cứ, điều kiện nêu trên thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra ngay **quyết định không khởi tố vụ án**.

- *Giai đoạn điều tra*: Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền xem xét quyết định. Khi thấy bị can thuộc trường hợp và có đủ căn cứ, điều kiện nêu trên thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra ngay **quyết định đình chỉ điều tra** vụ án theo quy định của BLTTHS.

- *Giai đoạn truy tố*: Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét quyết định. Khi thấy bị can thuộc trường hợp và có đủ căn cứ, điều kiện nêu trên thì Viện kiểm sát ra ngay **quyết định đình chỉ vụ án** theo quy định của BLTTHS.

- *Giai đoạn xét xử*: Tòa án có thẩm quyền xem xét quyết định. Khi thấy bị can, bị cáo thuộc trường hợp và có đủ căn cứ, điều kiện nêu trên thì Tòa án ra ngay **quyết định đình chỉ vụ án** theo quy định của BLTTHS.

3.2.3. Bổ sung thủ tục trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự

a) *Bổ sung quy định về việc* cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể xem xét, quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự¹⁹.

b) *Quy định về điều kiện tạm đình chỉ* trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: (1) Người được xem xét tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự có đơn đề nghị; (2) Tự nguyện thừa nhận trách nhiệm đối với hành vi, hậu quả xảy ra; cam kết hợp tác với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; (3) Có phương án khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt

¹⁷ Đề nghị bổ sung khoản 4 tại Điều 29 của BLHS về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự như sau: “4. Người thực hiện hành vi phạm tội, trừ các tội phạm tham nhũng, tội phạm có tổ chức, tội giết người, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có đủ các căn cứ sau: a) Tự nguyện, thành khẩn khai báo, thú nhận đầy đủ hành vi phạm tội; b) Hành vi phạm tội không gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trường hợp gây thiệt hại thì người thực hiện hành vi phạm tội đã chủ động ngăn chặn, khắc phục toàn bộ hậu quả và bồi thường đầy đủ thiệt hại đã gây ra; c) Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc; d) Vì lý do bảo đảm ổn định chính trị, kinh tế, trật tự, an toàn xã hội”.

¹⁸ Nghị quyết số 04-NQ/TW, Kết luận số 182-KL/TW, Kết luận số 218-KL/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW, Chỉ thị số 06-CT/TW; Nghị quyết số 29/2026/QH16;...

¹⁹ Hiện dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) đã bổ sung chế định tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, đồng thời luật hóa các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 27a dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi).

hại hoặc biện pháp khắc phục khác kèm theo các tài liệu chứng minh khả năng thực hiện được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp thuận; (4) Có cam kết bảo đảm thực hiện của tổ chức, cá nhân có liên quan, nếu có. Đồng thời, quy định giao Viện trưởng VKSND tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết nội dung này.

c) Quy định rõ khi tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm, tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo theo quy định của Bộ luật này. Đồng thời, quy định rõ trong thời hạn tạm đình chỉ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cam kết của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội để quyết định miễn trách nhiệm hình sự nếu đã khắc phục đầy đủ hậu quả và đáp ứng điều kiện luật định; phục hồi giải quyết vụ việc, vụ án nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết; trường hợp vi phạm cam kết, bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở việc giải quyết vụ việc, vụ án thì hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ và tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, thái độ hợp tác và hiệu quả kinh tế - xã hội đạt được được ghi nhận làm căn cứ xem xét áp dụng chính sách khoan hồng.

d) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định tạm đình chỉ trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự ở từng giai đoạn tố tụng; nội dung của quyết định tạm đình chỉ; quyền khiếu nại của người tham gia tố tụng và giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết việc thi hành.

đ) Quy định thời hạn tạm đình chỉ trong trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự (tối đa 02 năm, gia hạn một lần không quá 01 năm trong trường hợp đặc biệt); trách nhiệm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cam kết trong thời gian tạm đình chỉ và nguyên tắc tính thời hạn tố tụng, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.2.4. *Bổ sung thủ tục xem xét áp dụng hình phạt nhẹ hơn trong trường hợp nhận tội, nhận hình phạt để được hưởng khoan hồng*

a) Bổ sung trường hợp người phạm tội nhận tội, chấp nhận hình phạt, biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thì cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền có thể áp dụng thủ tục rút gọn và cho bị can, bị cáo hưởng khoan hồng theo quy định của Bộ luật Hình sự, bảo đảm tính nhân đạo, khuyến khích người phạm tội tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể theo hướng: “*Trường hợp người bị buộc tội tự nguyện nhận tội, chấp nhận hình phạt thì có thể được áp dụng thủ tục rút gọn và được hưởng khoan hồng theo quy định tại của Bộ luật Hình sự và Bộ luật này*”.

b) *Trình tự, thủ tục áp dụng*: Cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng thủ tục rút gọn đối với trường hợp nhận tội, chấp nhận hình phạt để được hưởng khoan hồng như đã nêu tại mục V.3.1.2.

3.3. Hoàn thiện chế định thẩm quyền tố tụng; tăng cường kiểm soát quyền lực; bảo đảm tốt hơn quyền con người

Trên cơ sở tiếp tục kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp, đang phát huy hiệu quả về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ và cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đồng thời, quy định rõ hơn, bảo đảm phân định rành mạch về thẩm quyền giữa các cấp tố tụng và đẩy mạnh phân quyền cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán; đồng thời bảo đảm sự phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, tăng cường trách nhiệm của các chủ thể và bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới của cơ quan tiến hành tố tụng; hoàn thiện cơ chế kiểm soát nội bộ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ chế giám sát của cơ quan, tổ chức và Nhân dân đối với hoạt động tố tụng; tăng cường bảo đảm quyền con người, nhất là quyền bào chữa của người bị buộc tội trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án, dự thảo Bộ luật quy định:

3.3.1. Hoàn thiện quy định về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của các cơ quan tiến hành tố tụng

a) Đối với Cơ quan điều tra và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra:

- *Thứ nhất*, giữ ổn định hệ thống, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Cơ quan điều tra hiện nay, bao gồm Cơ quan điều tra của Công an nhân dân, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao như BLTTHS hiện hành nhằm bảo đảm tính kế thừa, ổn định của mô hình tổ tụng hình sự, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và kiểm soát quyền lực trong hoạt động tư pháp.

- *Thứ hai*, xác định rõ thẩm quyền điều tra trong trường hợp vụ án vừa thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân vừa thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự

b) Đối với Viện kiểm sát, Tòa án: kế thừa các quy định phù hợp, đang phát huy hiệu quả, cụ thể: giữ ổn định hệ thống, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như BLTTHS hiện hành. Bổ sung đầy đủ thẩm quyền của Tòa án quân sự nhằm bảo đảm đầy đủ đối tượng, thống nhất với quy định của Luật Dân quân tự vệ và phù hợp với thực tiễn²⁰.

d) Hoàn thiện quy định về phân định thẩm quyền của người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng với những người trực tiếp tiến hành tố tụng (Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán), tăng thẩm quyền, tăng trách nhiệm cho các chức danh tố tụng để chủ động trong thực thi nhiệm vụ, theo hướng:

²⁰ Cụ thể bổ sung điểm a khoản 1 Điều 277 về thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự như sau: “1. *Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử: a) Vụ án hình sự mà bị cáo là quân nhân tại ngũ, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; dân quân, tự vệ trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc phối thuộc với Quân đội nhân dân trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; công dân được điều động, trưng tập hoặc hợp đồng vào phục vụ trong Quân đội nhân dân; pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng;*”

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát theo hướng *Viện trưởng Viện kiểm sát có thể ủy quyền cho Kiểm sát viên thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trừ một số trường hợp*, đồng thời, quy định giao Viện trưởng VKSND tối cao quy định về phạm vi ủy quyền; bổ sung thẩm quyền *quyết định việc thực hiện cam kết nhận tội, chấp nhận hình phạt theo quy định của Bộ luật này*.

- Bổ sung cho Điều tra viên thẩm quyền *quyết định truy nã, đình nã bị can; xử lý vật chứng trong một số trường hợp; trưng cầu giám định; yêu cầu định giá tài sản; quyết định áp dụng, hủy bỏ, đề nghị áp dụng thủ tục rút gọn*;

- Bổ sung cho Kiểm sát viên thẩm quyền được *thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng VKS khi được ủy quyền trừ một số trường hợp theo quy định; quyết định thu giữ, tạm giữ, xử lý vật chứng trong một số trường hợp; quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung, thực nghiệm điều tra; yêu cầu định giá; quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc điều tra lại, tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định; hủy bỏ các quyết định, yêu cầu không có căn cứ và trái pháp luật của Điều tra viên; quyết định áp dụng thủ tục rút gọn hoặc hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn; chủ trì lập biên bản cam kết nhận tội, chấp nhận hình phạt theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can*.

- Bổ sung cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thẩm quyền *quyết định xử lý vật chứng trong một số trường hợp; quyết định áp dụng thủ tục rút gọn hoặc hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn; chủ trì việc lập biên bản cam kết nhận tội, chấp nhận hình phạt theo quy định của Bộ luật này;...*

- Bổ sung để bảo đảm quy định đầy đủ về thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra để bảo đảm thực hiện được chức năng, nhiệm vụ, như: *lấy lời khai người bị bắt, người bị tạm giữ, quyết định áp dụng, hủy bỏ, đề nghị áp dụng thủ tục rút gọn; trực tiếp tổ chức và chỉ đạo việc khám nghiệm hiện trường; quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản; đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói; xử lý vật chứng; quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn theo quy định...*

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng theo Quy định số 183-QĐ/TW, dự thảo Bộ luật bổ sung nguyên tắc “**Bảo vệ cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng**”, tạo cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Theo đó, *cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được áp dụng các biện pháp bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi can thiệp trái pháp luật, tác động, gây áp lực, đe dọa, trả thù, trù dập hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự*.

3.3.3. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo hướng:

- Sửa đổi quy định về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp để bảo đảm thống nhất với Bộ luật Hình sự về các trường hợp chuẩn bị phạm tội; sửa đổi quy định về việc khi thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với *trường hợp người chỉ huy tàu bay, tàu biển giữ người trong trường hợp khẩn cấp khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng* thì không cần phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã chứng kiến.

- Nhằm hạn chế tạm giam, dự thảo Bộ luật sửa đổi các nội dung:

+ Mở rộng các trường hợp không bị áp dụng biện pháp tạm giam theo hướng đối với bị can, bị cáo về tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt từ 02 năm đến 03 năm thì chỉ bị tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội hoặc bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã (theo Bộ luật hiện hành thì họ bị áp dụng biện pháp tạm giam nếu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 119).

+ Bổ sung biện pháp ngăn chặn ***giám sát điện tử***, trong đó quy định đầy đủ về căn cứ, thẩm quyền, thời hạn, trình tự áp dụng, thay thế, hủy bỏ nhằm bảo đảm chặt chẽ, không làm ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân; đồng thời, bổ sung quy định về việc giao Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành biện pháp này.

- Bổ sung trường hợp hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khi tạm đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can.

- Bổ sung biện pháp “*tiền*” cưỡng chế *tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, trước khi áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản*; đồng thời giao Viện trưởng VKSND tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết nội dung này.

3.3.4. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về thủ tục bào chữa, tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của người tham gia tố tụng theo hướng:

- Bổ sung các trường hợp bao gồm: *Bị can, bị cáo thuộc trường hợp áp dụng thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt; bị can, bị cáo thuộc trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn khi nhận tội, chấp nhận hình phạt để hưởng khoan hồng*. Đồng thời bổ sung quy định *đối với trường hợp áp dụng thủ tục điều tra, truy tố, xét xử vắng mặt thì không được quyền thay đổi hoặc từ chối người bào chữa chỉ định; đối với trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn khi nhận tội, chấp nhận hình phạt để hưởng khoan hồng thì có quyền yêu cầu thay đổi nhưng không có quyền từ chối người bào chữa chỉ định*.

- Bổ sung quy định về việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, đương sự được tham gia tố

tụng từ khi nào; đồng thời bổ sung thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, đương sự.

3.4. Đổi mới phương thức hoạt động tố tụng hình sự theo hướng thực hiện tố tụng điện tử, tố tụng trực tuyến

Nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận của hoạt động tố tụng; rút ngắn thời gian giải quyết vụ việc, vụ án; giảm chi phí và nguồn lực xã hội; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và dữ liệu số trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ bí mật đời tư cá nhân, dự thảo Bộ luật quy định:

- Bổ sung khái niệm về **“Tố tụng điện tử”** theo hướng *tố tụng điện tử là phương thức tổ chức và thực hiện hoạt động tố tụng trên môi trường số, trong đó hồ sơ, dữ liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng và các hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng được tạo lập, trao đổi, quản lý, lưu trữ và sử dụng bằng phương tiện điện tử theo hình thức trực tiếp, trực tuyến, bảo đảm tính hợp pháp, xác thực, toàn vẹn, bảo mật, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật.*

- Bổ sung nguyên tắc **“Hoạt động tố tụng điện tử”** theo hướng *cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng có thể thực hiện các hoạt động tố tụng điện tử trong quá trình giải quyết vụ việc, vụ án. Hoạt động tố tụng điện tử có giá trị pháp lý như hoạt động tố tụng thông thường.*

- Nhằm tạo cơ sở pháp lý xác định nghĩa vụ hợp tác của các tổ chức cung cấp dịch vụ xuyên biên giới và các tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam trong việc cung cấp dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong môi trường số, dự thảo Bộ luật bổ sung quy định *khi nhận được yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, mạng xã hội, điện toán đám mây, dịch vụ lưu trữ dữ liệu, nền tảng số hoặc dịch vụ trực tuyến khác và tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện trong thời hạn yêu cầu; trường hợp khẩn cấp phải thực hiện ngay theo quy định của pháp luật.*

- Sửa đổi quy định về thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử (Điều 107 Bộ luật hiện hành) theo hướng *giao Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng VKSND tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết Điều này.*

- Quy định cụ thể về việc “số hóa” hồ sơ vụ án, theo đó, hồ sơ vụ án có thể được lập bằng phương thức điện tử, đối với những trường hợp lập bằng bản giấy phải được số hóa thành hồ sơ vụ án điện tử. Hồ sơ vụ án điện tử có một mã duy nhất và được chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Bổ sung quy định đối với biên bản, theo đó, biên bản được lập bằng văn bản giấy hoặc phương thức điện tử theo quy định của pháp luật. Bổ sung thủ tục cấp, giao, chuyển văn bản tố tụng bằng phương thức điện tử.

- Quy định rõ trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, trường hợp xét xử trực tuyến thì phải nêu rõ về điểm cầu trung tâm và số lượng điểm cầu thành phần (luật hóa văn bản pháp luật về phiên tòa trực tuyến).

3.5. Đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Trên cơ sở rà soát, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của Phần thứ tám về hợp tác quốc tế với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, đặc biệt là Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và Luật Dẫn độ, dự thảo Bộ luật sửa đổi căn cứ xem xét, xử lý yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ theo hướng việc xem xét được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.6. Luật hóa các chế định đã triển khai thí điểm; sửa đổi, bổ sung thủ tục tố tụng hình sự để khắc phục vướng mắc, bất cập qua tổng kết thực tiễn

Dự thảo Bộ luật sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm luật hóa Nghị quyết số 164/2024/QH15 ngày 28/11/2024 của Quốc hội thí điểm xử lý vật chứng, tài sản trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc, vụ án hình sự; khắc phục vướng mắc, bất cập qua tổng kết thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2015, cụ thể:

- Để tăng cường trách nhiệm kiểm sát việc lập hồ sơ vụ việc của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp Kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát, dự thảo Bộ luật sửa đổi theo hướng Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản về hoạt động **kiểm tra, xác minh**, tài liệu đã thu thập, nhận được liên quan đến vụ việc cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ **vụ việc**.

- Sửa đổi quy định về xử lý vật chứng trên cơ sở luật hóa Nghị quyết số 164/2024/QH15 ngày 28/11/2024 của Quốc hội thí điểm xử lý vật chứng, tài sản trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc, vụ án hình sự để quy định mang tính nguyên tắc về việc xử lý vật chứng, **tài sản** theo hướng *cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể xử lý sớm vật chứng, tài sản trong một số trường hợp để tránh thất thoát, lãng phí, thu hồi nhanh tài sản, khắc phục kịp thời hậu quả thiệt hại nhưng không làm ảnh hưởng đến việc chứng minh, giải quyết vụ việc, vụ án. Đồng thời giao Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nội dung này. Đồng thời, mở rộng việc xử lý đối với vật chứng thuộc loại **giảm giá trị nhanh, chi phí bảo quản lớn**; quy định rõ hơn về việc xử lý vật chứng thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản, giảm giá trị nhanh, chi phí bảo quản lớn thì có thể được bán theo quy định của pháp luật; trường hợp **không còn giá trị sử dụng** thì tiêu hủy; trường hợp không bán được thì giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật*

- Sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các nội dung/chế định khác như: quy định về tiếp nhận và giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt,...

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH BỘ LUẬT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Bộ luật

- Quốc hội ban hành BLTTHS (sửa đổi).
- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức thi hành BLTTHS.
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thi hành Bộ luật.
- Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện các quy định của Bộ luật.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Bộ luật

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi BLTTHS (sửa đổi) được ban hành, các cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong áp dụng pháp luật, đặc biệt đối với các nội dung mới như: thủ tục tố tụng rút gọn; Thủ tục miễn trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự; Thủ tục tố tụng trong trường hợp nhận tội, nhận hình phạt để được hưởng khoan hồng; Tố tụng điện tử, tố tụng trực tuyến; Thu thập, bảo quản và sử dụng chứng cứ điện tử; Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự...

2.2. Tổ chức thực thi Bộ luật Tố tụng hình sự sau khi ban hành

Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung BLTTHS (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành đến các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

2.3. Bảo đảm nguồn lực

- *Bảo đảm nhân lực:* Rà soát, kiện toàn đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các chức danh tư pháp khác. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về các chế định mới của Bộ luật, nhất là: Tố tụng điện tử, tố tụng trực tuyến; Chứng cứ điện tử, dữ liệu số; Điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia; Các cơ chế xử lý mới về miễn trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, xét xử

nhANH. Nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng hợp tác quốc tế cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ tụng...

- *Bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật*: Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ tổ tụng điện tử và tổ tụng trực tuyến. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung giữa các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan có liên quan. Đầu tư trang thiết bị phục vụ ghi âm, ghi hình có âm thanh, số hóa hồ sơ vụ án, lưu trữ dữ liệu điện tử, tổ chức phiên tòa trực tuyến. Bảo đảm các điều kiện về an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân trong hoạt động tổ tụng.

- *Bảo đảm cơ chế phối hợp liên ngành*: Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tổ tụng trong việc thực hiện các thủ tục mới. Tăng cường cơ chế phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong công tác thu thập chứng cứ điện tử, định giá tài sản, giám định tư pháp, thu hồi tài sản và hợp tác quốc tế.

- *Nguồn lực thực hiện*: Kinh phí thực hiện BLTTHS (sửa đổi) được bảo đảm từ: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; Nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan tiến hành tổ tụng; Nguồn vốn đầu tư công phục vụ chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và hạ tầng công nghệ thông tin; Các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Dự kiến các hoạt động cần bố trí kinh phí

- Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Bộ luật.
- Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.
- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật.
- Xây dựng và vận hành hệ thống tổ tụng điện tử, tổ tụng trực tuyến.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu tổ tụng hình sự dùng chung.
- Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.
- Tăng cường năng lực hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp và thu hồi tài sản xuyên biên giới.
- Bảo đảm các điều kiện kỹ thuật phục vụ quản lý, lưu trữ và khai thác chứng cứ điện tử.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ THẢO BỘ LUẬT

Trình Quốc hội xem xét thông qua BLTTHS (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10 năm 2026).

Trên đây là Tờ trình của VKSND tối cao về dự án BLTTHS (sửa đổi), trân trọng kính trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

(Kèm theo Tờ trình là hồ sơ dự án Bộ luật gồm: (1) Dự thảo BLTTHS (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2015; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (4) Bản so sánh dự thảo BLTTHS (sửa đổi); (5) các phụ lục).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Đ/c PVT VKSTC;
- Lưu: VT, V14.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Huy Tiến